

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10./2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Bé Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:*** Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2020/TLST-HN ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C – Phòng giao dịch M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hiếu T – Giám đốc phòng giao dịch.

Chị D, có mặt tại tòa; anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do; đại diện theo ủy quyền của ngân hàng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Chị và anh Nguyễn Văn C được mai mối, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 09-9-2014.

Sau khi cưới vợ chồng chị sống với nhau tại nhà ba mẹ chồng tại xã K, sau đó thì ra riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đi nhậu, chị khuyên anh không nghe nên hai vợ chồng cự cãi, đánh nhau, khoảng một tuần cự cãi một lần, sau khi sinh con thì chị đã nhiều lần đem con về nhà mẹ ruột sống vì vợ chồng cãi nhau.

Khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng cãi nhau, anh C đuổi chị đi nên chị bắt đầu đi kiếm việc làm ở Long An cho đến nay. Chị cũng đi đi về về, vợ chồng còn quan hệ vợ chồng vào Tết năm 2019. Đến mùng 9 Tết thì vợ chồng cự cãi nên chị bỏ đi nữa.

Năm 2018 chị có nộp đơn ra tòa án xin ly hôn nhưng do muốn hàn gắn tình cảm nên chị rút đơn khởi kiện và tòa án đã đình chỉ vụ án bằng quyết định số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2018.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh C.

Con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017, trong đơn xin hôn chị yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị thay đổi ý kiến, đồng ý để hai con cho anh C nuôi và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/cháu/tháng.

Tài sản chung: Có chiếc xe máy để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chị có vay Ngân hàng c, Phòng giao dịch huyện M số tiền 12.000.000 đồng vốn và lãi, chị đồng ý chia đôi nợ mỗi người trả 6.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho ngân hàng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung như chị D khai là đúng. Ban đầu có mai mối nhưng có quen khoảng 10 ngày thì mới làm mai, rồi làm đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2014.

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thỉnh thoảng vợ chồng có cãi vã, cự cãi nhiều là khoảng năm 2017 vì anh đi làm có nhậu thì vợ chồng có cãi nhau, chị D về nhà mẹ ở khoảng 04 tháng thì anh rước về.

Năm 2018 chị D có nộp đơn ra tòa án xin ly hôn nhưng sau đó thì chị D rút đơn khởi kiện và tòa án đã đình chỉ vụ án bằng quyết định số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2018.

Khoảng đầu năm 2019 chị D bỏ đi lúc anh đang bị bệnh liệt tay. Khi đi vào ban đêm, có nhắn tin lại cho anh là kêu anh lo cho con đi. Sau đó, chị D cũng có đi đi về về, vợ chồng còn quan hệ vợ chồng bình thường vào Tết năm 2019. Mùng

3 tết anh phát hiện vợ anh nhắn tin với người đàn ông khác. Đến mừng 9 Tết thì vợ chồng cự cãi nên chị D bỏ đi nữa.

Nay chị D xin ly hôn thì anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017, nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017, anh đồng ý để chị D nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng anh có vay Ngân hàng c huyện M số tiền 12.000.000 đồng vốn và lãi, nếu ly hôn anh yêu cầu chia đôi nợ mỗi người trả 6.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Nợ ông Bé H là cha ruột của anh nhưng ông Bé Hai không yêu cầu trả nợ nên anh không yêu cầu chia khoản nợ này.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng c – phòng giao dịch M, ông Huỳnh Hiếu T có đơn xin vắng mặt nhưng có lời trình bày:

Ngày 27/7/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M có cho hộ anh Nguyễn Văn C vay vốn để xây Cổng nước và hồ xí thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền 12.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng, hạn cuối trả nợ là ngày 18/7/2022, lãi cho vay là 9%/năm, nợ gốc được phân kỳ trả 06 tháng/lần, số tiền trả mỗi lần là 1.200.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 18/01/2018. Do chị D xin ly hôn với anh C nên Ngân hàng c - phòng giao dịch huyện M yêu cầu chị D và anh C liên đới trả cho ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất của hợp đồng đã ký kết. Chị D có trả nợ cho ngân hàng như chị D trình bày. Đến thời điểm này chị D và anh C còn lại là 5.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi. Nay Ngân hàng đồng ý để cho anh C trả 5.000.000 đồng tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Ngày 08/6/2020 ngân hàng có đơn rút đơn yêu cầu độc lập để các bên tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn vắng mặt trong những lần Tòa mời xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D, chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Con chung anh C trực tiếp nuôi con chung tên có 02 con chung Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017. Ghi nhận chị C tự nguyện vụ cấp nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Nợ chung: ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã K, huyện M tỉnh Bến Tre ngày 30/01/2020 xác nhận anh Nguyễn Văn C hiện đang sinh sống và có mặt tại xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh .

Ngân hàng có đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn C trên cơ sở mai mối, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện M cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D, chị D cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh Chi đi nhậu, chị khuyên anh không nghe nên hai vợ chồng cự cãi, đánh nhau, khoảng một tuần cự cãi một lần, sau khi sinh con thì chị đã nhiều lần đem con về nhà mẹ ruột sống vì vợ chồng cãi nhau.

Khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng cãi nhau, anh C đuổi chị đi nên chị bắt đầu bỏ đi kiếm việc làm ở Long An cho đến nay. Chị cũng đi đi về về, vợ chồng còn quan hệ vợ chồng vào Tết năm 2019. Đến mừng 9 Tết thì vợ chồng cự cãi nên chị bỏ đi nữa.

Anh C vắng mặt nhưng có lời khai cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn lớn, nếu có chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất. Khoảng đầu năm 2019 chị Dương bỏ đi lúc anh đang bị bệnh liệt tay. Khi đi vào ban đêm, có nhắn tin lại cho anh là kêu anh lo cho con đi.

Chị D cũng có đi đi về về, vợ chồng còn quan hệ vợ chồng bình thường vào Tết năm 2019. Mừng 3 tết anh phát hiện vợ anh nhắn tin với người đàn ông khác. Đến mừng 9 Tết thì vợ chồng cự cãi nên chị D bỏ đi nữa. Nhưng hiện nay vợ chồng anh chị còn đang sống chung nhà. Nay chị xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị D.

Xét thấy, chị D và anh C trước đây có mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh Trưởng ấp T cho biết “theo thông tin nắm được tại địa phương thì hai vợ chồng chị D, anh C cũng có lục đục với nhau nhưng vì nguyên nhân gì ông không biết”, tại biên bản xác minh với cha của anh C thì ông cũng cho rằng “vợ chồng anh C có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên có cãi cự nhau, chị D có những lúc giận hờn cãi nhau thì sẽ bỏ đi”.

Như vậy, chứng tỏ hôn nhân của chị D và anh C là có mâu thuẫn, năm 2018 chị D đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn mâu thuẫn tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng chị D vẫn còn cãi nhau, hôn nhân không hàn gắn được nên chị D khởi kiện xin ly hôn một lần nữa. Anh C cho rằng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng vẫn không đưa ra được giải pháp thuyết phục chị D tiếp tục hàn gắn gia đình, bên cạnh đó, trong hai lần Tòa mời xét xử anh C không đến chứng tỏ đến thời điểm này anh C không còn thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

[4] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017. Tại phiên Tòa chị D trình bày đồng ý để hai con cho anh Chi nuôi. Thực tế, hiện nay hai cháu đang sống chung với anh C và anh C cũng có nguyện vọng được nuôi hai con, Hội đồng xét xử thấy rằng anh C có điều kiện để nuôi hai con và hai con đang phát triển tốt nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao hai con chung cho anh C nuôi là phù hợp. Tại Tòa chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Mặc dù, anh C không có yêu cầu chị Dương cấp dưỡng nuôi con nhưng việc cấp dưỡng nuôi con là để đảm bảo điều kiện vật chất cho con chung của anh chị khi các cháu chưa trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị D.

[5] *Về nợ chung*: Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này Ngân hàng có yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác.

[6] *Án phí ly hôn*: chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C – Phòng giao dịch M về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Thùy D trả cho ngân hàng 12.000.000 đồng tiền vay và lãi theo hợp đồng cho đến ngày trả xong nợ.

2. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D đối với anh Nguyễn Văn C. Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

3. *Về nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 02/5/2017. Chị Lê Thị Thùy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu T1 và cháu H tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. *Về nợ chung*: Ngân hàng C, chi nhánh tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

6. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thùy D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007791 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Lê Thị Thùy D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã K, h. Mỏ Cày Bắc (số 90, quyền số 01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Uyên